



FROM |  coordinated care.

Danh Mục Thuốc 2024 (Cascade Select)

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.CoordinatedCareHealth.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Coordinated Care (Cascade Select), hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA			
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBP	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBP	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			METHADONE HCL SOLN IJ	1	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(10 ea daily)
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminophylline SOLN</i>	1	
<i>theophylline ELIX</i>	1	
<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1	
<i>theophylline TB24</i>	1	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1	
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Thrombin Inhibitors			VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1		Anticonvulsants - Misc.		
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			APTOM	3	QL(2 ea daily); ST
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1	
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1	
			<i>carbamazepine SUSP</i>	1	
			<i>carbamazepine TABS</i>	1	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1	
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1	
<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1	
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	2		bupropion hcl TB12 200 MG	1	QL(2 ea daily)
fosphenytoin sodium	1		bupropion hcl TB12 100 MG	1	QL(4 ea daily)
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	1		bupropion hcl TB12 150 MG	1	QL(3 ea daily)
phenytoin sodium SOLN	1		bupropion hcl TB24 150 MG	1	QL(3 ea daily)
phenytoin CHEW	1		bupropion hcl TB24 300 MG	1	QL(1 ea daily)
phenytoin SUSP	1		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
Succinimides			EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
ethosuximide CAPS	1	QL(6 ea daily)	phenelzine sulfate	1	
ethosuximide SOLN	1	QL(30 ml daily)	tranylcypromine sulfate	1	
methsuximide	1	QL(4 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
Valproic Acid			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
divalproex sodium TB24	1		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
divalproex sodium TBEC	1		citalopram hydrobromide SOLN	1	QL(20 ml daily)
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	1		citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1	QL(1 ea daily)
valproic acid CAPS	1		citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1	QL(4 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1	QL(2 ea daily)
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			escitalopram oxalate SOLN	1	QL(20 ml daily)
mirtazapine TABS 15 MG	1	QL(3 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 20 MG	1	QL(1 ea daily)
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1	QL(1 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 10 MG	1	QL(2 ea daily)
mirtazapine TABS 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 5 MG	1	QL(4 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1	QL(3 ea daily)	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	1	QL(3 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1	QL(1 ea daily)			
mirtazapine TBDP 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)			
Antidepressants - Misc.					
bupropion hcl TABS	1	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1		<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	Tricyclic Agents		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1	
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>amoxapine</i>	1	
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1	
Serotonin Modulators			<i>desipramine hcl TABS</i>	1	
<i>nefazodone hcl</i>	1		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1		<i>doxepin hcl CONC</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	<i>imipramine hcl TABS</i>	1	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail	<i>imipramine pamoate</i>	1	
			<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1	
			<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1	
			<i>protriptyline hcl</i>	1	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar			<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
Antidiabetic Combinations			SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	Biguanides		
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1	QL(2.5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)

ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea

Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	

ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS

Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	

Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA

Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1	
<i>naltrexone hcl</i>	1	

ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl IV</i>	1	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			ORGOVYX	4	PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1	
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1	QL(1 ea daily); SP	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
<i>letrozole</i>	1		Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1		<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1		<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
			<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST SOLR	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
			PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XOSPATA	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1	
TAFINLAR TBSO	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
			<i>leucovorin calcium TABS</i>	1	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>haloperidol TABS</i>	1	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1		<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1		<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1		EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Quinolinone Derivatives			<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>thiothixene</i>	1		GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
Antiretrovirals			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS</i>	1		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/afI)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA	<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA	<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			<i>cephalexin CAPS</i>	1	
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	<i>cephalexin SUSR</i>	1	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	Cephalosporins - 2nd Generation		
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1	
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
Transthyretin Stabilizers			<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	Cephalosporins - 3rd Generation		
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefdinir SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefixime CAPS</i>	1	
			<i>cefixime SUSR</i>	1	ST
			<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1	
			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1	
			<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1	
			Cephalosporins - 4th Generation		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	
MIRENA	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
<i>dexamethasone TABS</i>	1	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>prednisolone TABS</i>	1	
<i>prednisone SOLN</i>	1	
<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>prednisone TBPK</i>	1	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetamide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough,		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cold and Allergy Symptoms					
Antitussives					
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
Cough/Cold/Allergy Combinations					
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1		<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
TUZISTRA XR	2	PA	<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants					
HYPERSAL NEBU	1		<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
NEBUSAL NEBU	1		<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1		<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
Mucolytics					
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1		<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin					
Conditions					
Acne Products					
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC	<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
			<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
			<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
			PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
			<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
Antibiotics - Topical			ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1		<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antifungals - Topical			<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipsoriatics		
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1		<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tavaborole</i>	1	PA	<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
Antipruritics - Topical			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLN CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
Wound Care Products		
REGANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
KETONE TEST STRIPS STRP	1	
KETONE STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1	
PRECISION XTRA	1	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>toremide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREFEST	3	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>MOZOBIL (plerixafor)</i>	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	PA
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBEC</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	
MAXX LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0				
TRUE COVER DEVI	0				
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0				
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0				
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
Diabetic Supplies			SELECT LANCETS	1B	6.66/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT LANCETS	1	6.66/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1	RX/OTC	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
			Migraine Combinations		
			<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 ea daily)
			<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
			Migraine Products		
			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1	
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1	
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	1	
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1	
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1	
<i>ringer's</i>	1	
Fluoride		
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
Phosphate		
potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	1	
Potassium		
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1	
potassium bicarbonate TBEF	1	
potassium chloride microencapsulated crystals er	1	
potassium chloride CPCR	1	
potassium chloride PACK OR 20 MEQ	1	PA
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1	
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1	
Sodium		
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	1	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1	
<i>azathioprine TABS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1	
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC	PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG- 1.84 MG-18 MG-2.6 MG- 1.7 MG-27 MG-10 MCG- 4.95 MG-25 MG-200 MG- 160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen</i> TABS	1	
<i>carisoprodol</i> TABS	1	
<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5 MG, 10 MG	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone</i> 800 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol</i> TABS 500 MG, 750 MG	1	
<i>orphenadrine citrate</i> TB12	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl</i> CAPS	1	
<i>tizanidine hcl</i> TABS	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium</i> CAPS	1	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.06 %	1	
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.03 %	1	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal)</i> 0.025 %	1	1 package(s) per fill retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP	1	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal)</i> AERO	1	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole</i> TABS	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate</i> 100 MG/10ML	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth)</i> SOLN	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl</i> 0.5 %	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics			<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1		<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)	<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
Miotics			<i>trifluridine</i>	1	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1		ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Adrenergic Agents			Ophthalmic Immunomodulators		
<i>apraclonidine hcl</i>	1		<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1		Ophthalmic Local Anesthetics		
IOPIDINE	3		<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Anti-infectives			Ophthalmic Steroids		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)	ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
BESIVANCE	3	PA	<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1		FML OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
NATACYN	2		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
			PRED MILD	3	PA
			PRED-G SUSP	3	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 5 MG	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl</i> TABS	1	
<i>memantine hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate</i> CAPS	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate</i> CDPK	1	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate</i> CPDR	1	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily)</i> 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
NEXIUM 24HR TBEC (<i>esomeprazole magnesium</i>)	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX	0	
FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
			IPOL INACTIVATED IPV	0	
			JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
			M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
			SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			TWINRIX SUSY	0	
			VAQTA	0	
			VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
ESTRING RING	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46	AIMOVIG	53	
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir CAPS	31	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9
ABELCET	18	acyclovir TABS OR	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	AIRSUPRA	9
ABRYSSVO	66	ADACEL SUSP	64	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albendazole	7
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate AERS	9
acebutolol hcl CAPS	32	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene CREA	37	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene GEL	37	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adefovir dipivoxil	31	ALDURAZYME	45
acetazolamide CP12	43	ADEMPAS	34	ALECENSA	26
acetazolamide sodium	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADVATE	48	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADYNOVATE	48	alfuzosin hcl	48
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	ALINIA SUSR	21
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	aliskiren fumarate	21
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	almotriptan malate 12.5 MG	54
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
ACTHAR GEL	44	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	ALOCRIIL	60
ACTHIB SOLR IM	65	AFSTYLA	48	alogliptin benzoate	16
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27			alogliptin-metformin hcl	15

alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ...	9	CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	15	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	60	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alosetron hcl	47	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphotericin b IV	18
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphotericin b liposome	18
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	20	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	61
ALPROLIX	48	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ampicillin CAPS 500 MG	61
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	59	amoxapine	14	ampicillin sodium IJ 1 GM	61
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61		anagrelide hcl	49
ALTUVIIIO	48	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61		anastrozole	25
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61		ANGELIQ	46
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	61	ANNOVERA	35
alvimopan	47	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 61		ANORO ELLIPTA	10
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin SUSR	61	ANZEMET TABS 50 MG	17
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin TABS	61	APIDRA SOLN	16
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ambrisentan	33	amphetamine sulfate TABS	1	apomorphine hydrochloride SOCT 28	
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	apraclonidine hcl	59
amcinonide LOTN	40				
amcinonide OINT	40				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				
amiloride & hydrochlorothiazide ..	44				
amiloride hcl TABS	44				
aminocaproic acid TABS	50				
aminophylline SOLN	10				

aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	aspirin-dipyridamole49	AZATHIOPRINE 56
aprepitant CAPS 80 MG 18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG30	azathioprine TABS56
aprepitant CAPS 18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .30	azelaic acid GEL 42
aprepitant MISC18	atenolol & chlorthalidone20	azelastine hcl (ophth) 60
APTIOM 11	atenolol TABS32	azelastine hcl58
APTIVUS CAPS30	ATGAM56	AZELEX 37
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	azithromycin PACK 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML 49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	azithromycin SOLR 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ... 49	atorvastatin calcium TABS19	azithromycin SUSR 51
ARCALYST3	atovaquone21	azithromycin TABS 250 MG 51
AREXVY66	atovaquone-proguanil hcl 22	azithromycin TABS 500 MG 51
arformoterol tartrate 10	atracurium besylate 100 MG/10ML 58	azithromycin TABS 600 MG 51
ARIKAYCE 2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML 64	aztreonam 1 GM 22
aripiprazole SOLN OR30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML 64	bacitracin (ophthalmic)59
aripiprazole TABS30	ATROVENT HFA 9	bacitracin 21
armodafinil2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk 62	baclofen TABS58
ARMOUR THYROID TABS64	AUSTEDO TABS 62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) 35
ARNUITY ELLIPTA9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK 62	balsalazide disodium CAPS 47
arsenic trioxide 10 MG/10ML27	AUSTEDO XR TB24 62	BALVERSA26
ARZERRA24	avanafil 33	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11
ascorbic acid SOLN IJ 69	AVONEX PEN AJKT 62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
asenapine maleate 2.5 MG29	AVONEX PSKT 62	BARACLUDGE SOLN31
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	AYVAKIT 25	BASAGLAR KWIKPEN SOPN16
aspirin CHEW 5	azacitidine SUSR 23	BAXDELA SOLR 46
aspirin TABS 325 MG 5	AZASITE59	BAXDELA TABS 46
aspirin TBEC 325 MG5		BELSOMRA50
aspirin TBEC 81 MG 5		benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20

benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	augmented LOTN	40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26
benazepril hcl	20	betamethasone dipropionate augmented OINT	40	BOSULIF TABS 400 MG	26
bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone valerate CREA ...	40	BRAFTOVI 75 MG	26
BENEFIX KIT	48	betamethasone valerate FOAM ...	40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37		betamethasone valerate LOTN ...	40	BREO ELLIPTA	10
BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betamethasone valerate OINT	40	BREZTRI AEROSPHERE	10
benzonatate 100 MG	37	BETASERON KIT	62	BRILINTA	49
benzonatate 150 MG	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	58	brimonidine tartrate (topical)	42
benzonatate 200 MG	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bethanechol chloride 25 MG	65	brimonidine tartrate-timolol maleate . 58	
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	65	brinzolamide	60
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	bexarotene (topical)	39	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	37	bexarotene	27	BRIVIACT TABS	11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37		BEXSERO	65	bromfenac sodium (ophth)	60
benztropine mesylate SOLN	28	bicalutamide	25	bromocriptine mesylate CAPS	28
benztropine mesylate TABS	28	BIJUVA	46	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28
bepotastine besilate	60	BIKTARVY	30	BRUKINSA	26
BESIVANCE	59	bimatoprost SOLN	60	budesonide (inhalation) SUSP	9
betaine	45	bisacodyl SUPP	50	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bisacodyl TBEC	50	budesonide (nasal)	58
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate (topical) OINT	40	bisoprolol fumarate	32	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate augmented CREA	40	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	44
betamethasone dipropionate		BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide TABS	44
augmented CREA	40	BOOSTRIX SUSY	64	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate		bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SUBL	7
augmented CREA	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1	
betamethasone dipropionate		bosentan TABS 125 MG	33		
augmented CREA	40	bosentan TABS 62.5 MG	33		

MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 300 MG	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	cabergoline	46	carbamazepine SUSP	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	CABLIVI	49	carbamazepine TABS	11
buprenorphine PTWK	7	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl (smoking deterrent)	63	calcipotriene CREA	39	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TABS	13	calcipotriene OINT	39	carbidopa	28
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene SOLN	39	carbidopa-levodopa TABS	28
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbidopa-levodopa TBCR	28
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	40	carbidopa-levodopa TBDP	28
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcitonin (salmon) NA	44	carbidopa-levodopa-entacapone .	28
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcitriol (topical)	39	carbinoxamine maleate SOLN	18
buspiron hcl	8	calcitriol CAPS	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
busulfan SOLN	23	calcitriol SOLN IV	45	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	47	carisoprodol TABS	58
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABs	47	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	54	carteolol hcl (ophth)	58
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	50	carvedilol	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	26	carvedilol phosphate	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil	20	caspofungin acetate	18
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	CAYA DPRH	51
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	capecitabine	23	CAYSTON	22
butenafine hcl	38	CAPRELSA	26	cefaclor CAPS	34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captopril 12.5 MG	20	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34
		captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20	cefadroxil CAPS	34
		carbamazepine CHEW 100 MG ...	11	cefadroxil SUSR	34
		carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil TABS	34
		carbamazepine CP12 200 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34

cefdinir CAPS	34	bromide	64	cilostazol	49
cefdinir SUSR	34	chlordiazepoxide-amitriptyline	62	CIMDUO	30
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	35	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	56	cimetidine TABS	64
cefixime CAPS	34	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	45
cefixime SUSR	34	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	CIPRO SUSR	46
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin hcl TABS	46
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	46
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	46
cefprozil SUSR	34	CHOLBAM	47	ciprofloxacin-dexamethasone	60
cefprozil TABS	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	69	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	69	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG	34	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide SOLN	13
cefuroxime axetil TABS	34	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13
celecoxib	4	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	choline fenofibrate	19	clarithromycin SUSR	51
cephalexin CAPS	34	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44	44	clarithromycin TABS	51
cephalexin SUSR	34	ciclopirox GEL	38	clarithromycin TB24	51
CERDELGA	49	ciclopirox olamine CREA	38	CLASSIC PRENATAL TABS	57
CEREZYME 400 UNIT	49	ciclopirox olamine SUSP	38	clemastine fumarate SYRP	18
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox SHAM	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	18
cevimeline hcl	56	ciclopirox SOLN	38	CLIMARA PRO	46
CHEMET	17	cidofovir	31	clindamycin hcl	22
CHEMSTRIP-K STRP	43				
chloramphenicol sodium succinate 21	21				
chlordiazepoxide hcl CAPS	8				
chlordiazepoxide hcl-clidinium					

clindamycin palmitate hydrochloride . 22	clobetasol propionate GEL 0.05 % 40	colchicine TABS 48
clindamycin phosphate (topical) FOAM 37	clobetasol propionate OINT 0.05 % 40	colchicine w/ probenecid 48
clindamycin phosphate (topical) GEL 37	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40	colesevelam hcl PACK 19
clindamycin phosphate (topical) LOTN 37	clocortolone pivalate 41	colesevelam hcl TABS 19
clindamycin phosphate (topical) SOLN 37	clofarabine 24	colestipol hcl GRAN 19
clindamycin phosphate (topical) SWAB 37	clomiphene citrate TABS 45	colestipol hcl PACK 19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML 22	clomipramine hcl 14	colestipol hcl TABS 19
clindamycin phosphate vaginal CREA 69	clonazepam TABS 11	COMBIPATCH PTTW 46
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) 37	clonidine hcl (adhd) TB12 1	COMETRIQ KIT 26
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % 37	clonidine hcl TABS 20	COMIRNATY 2023-24 SUSP 66
clindamycin phosphate-tretinoin .. 37	clonidine PTWK 20	COMIRNATY 2023-24 SUSY 66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58	clonidine PTWK 20	COMIRNATY 2024-25 SUSY 66
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58	clopidogrel bisulfate 300 MG 49	COMIRNATY SUSP 66
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58	clopidogrel bisulfate 75 MG 49	COMPLERA 30
clobazam SUSP 11	clorazepate dipotassium TABS 8	CONTRAVE 1
clobazam TABS 11	clotrimazole (topical) CREA 38	COPIKTRA 26
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40	clotrimazole (topical) SOLN 38	CORDRAN TAPE 41
clobetasol propionate emollient base 0.05 % 40	clotrimazole 56	CORLANOR SOLN 34
clobetasol propionate FOAM 40	clotrimazole vaginal CREA 1 % ... 69	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34
	clotrimazole w/ betamethasone CREA 38	CORTISPORIN-TC 60
	clotrimazole w/ betamethasone LOTN 38	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ 39
	clozapine TABS 29	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ... 39
	clozapine TBDP 100 MG 29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .39
	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29	COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 39
	clozapine TBDP 25 MG 29	CREON CPEP 43
	COARTEM 22	CRESEMBA CAPS 186 MG 18
	codeine sulfate TABS 30 MG 5	cromolyn sodium (ophth) 60
	CODEINE SULFATE TABS 5	cromolyn sodium NEBU 9
		crotamiton LOTN 42

CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT 57	cytarabine SOLN 24	demeclocycline hcl TABS 63
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 49	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	DEPO-ESTRADIOL 46
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG 58	dacarbazine SOLR 200 MG 27	DEPO-MEDROL SUSP 36
cyclophosphamide CAPS 23	dactinomycin 25	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC 36
cyclophosphamide SOLR IJ 23	dalfampridine 62	desipramine hcl TABS 14
cycloserine 23	danazol CAPS 7	desloratadine TABS 18
cyclosporine (ophth) EMUL 59	dantrolene sodium CAPS 58	desloratadine TBDP 2.5 MG 18
cyclosporine CAPS 56	dapagliflozin propanediol 16	desmopressin acetate SOLN IJ ... 45
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG 15	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 45
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG 15	desmopressin acetate spray 45
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 56	dapsone 22	desmopressin acetate spray refrigerated 45
CYLTEZO AJKT 3	DAPTACEL 64	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML 3	daptomycin 500 MG 22	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML 3	darifenacin hydrobromide 65	desogestrel & ethinyl estradiol 35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT 3	darunavir TABS 30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT 3	dasatinib 26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ... 3	DAURISMO 24	desonide CREA 41
cyproheptadine hcl SYRP 19	DEBACTEROL 56	desonide LOTN 41
cyproheptadine hcl TABS 19	decitabine 24	desonide OINT 41
CYSTAGON CAPS 48	deferasirox PACK 17	desoximetasone CREA 0.25 % ... 41
CYSTARAN 60	deferasirox TABS 17	desoximetasone GEL 41
	deferasirox TBSO 17	desoximetasone OINT 0.25 % 41
	deferiprone TABS 500 MG 17	desvenlafaxine succinate 100 MG .14
	deflazacort SUSP 36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG 14
	deflazacort TABS 36	dexamethasone ELIX 36
	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) 46	
	DELSTRIGO 30	

DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36	diazoxide	16	DILANTIN	12
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	59	dichlorphenamide	43	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	12
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36	diclofenac epolamine PTCH EX ...	39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32
dexamethasone SOLN	36	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32
dexamethasone TABS	36	diclofenac sodium (ophth)	60	diltiazem hcl CP12	32
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18		diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl CP24	32
dexlansoprazole	65	diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl extended release beads	32
dexmethylphenidate hcl CP24	2	diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33
dexmethylphenidate hcl TABS	2	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	DILTIAZEM HCL SOLR	33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	dicloxacillin sodium	61	diltiazem hcl TABS	33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicyclomine hcl CAPS	64	diltiazem hcl TB24	33
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1		dicyclomine hcl SOLN OR	64	dimethyl fumarate CDPK	62
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl TABS	64	dimethyl fumarate CPDR	62
dextrose in lactated ringers	54	DIFFERIN LOTN	37	DIPENTUM	47
DIACOMIT CAPS 250 MG	12	DIFICID TABS	51	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	
DIACOMIT CAPS 500 MG	12	diflorasone diacetate CREA	41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18
DIACOMIT PACK 250 MG	12	diflorasone diacetate OINT	41	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18
DIACOMIT PACK 500 MG	12	diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	difluprednate	59	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17
diazepam CONC	8	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	64
diazepam TABS	8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	53	dipyridamole	49

disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl SOLN	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51
disulfiram	61	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51
DIURIL SUSP	44	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	DUREX TROPICAL MISC	51
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	dutasteride	48
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	dutasteride-tamsulosin hcl	48
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	econazole nitrate CREA	38
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	EDARBI	20
docusate calcium	51	doxycycline hyclate CAPS	63	EDURANT	30
docusate sodium CAPS 100 MG	51	doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz CAPS 200 MG	30
docusate sodium CAPS 250 MG	51	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64	efavirenz CAPS 50 MG	30
dofetilide	9	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64	efavirenz TABS	30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	61	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	61	dronabinol CAPS	17	disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol	35	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62		drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35	disoproxil fumarate	30
DOPTELET	49	DROXIA CAPS	49	EGRIFTA 2 MG	45
dorzolamide hcl	60	DUAVEE	46	EGRIFTA SV	45
dorzolamide hcl-timolol maleate	58	DULERA	10	ELAPRASE	45
DOVATO	30	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	electrolyte-148	54
doxazosin mesylate	20	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	electrolyte-a	54
doxepin hcl (antipruritic)	39	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELESTRIN GEL	46
doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	42	eletriptan hydrobromide	54
doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	42	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10
doxercalciferol SOLN	45			ELIQUIS TABS	10
doxorubicin hcl liposomal SUSP	25			ELLA	35
				ELMIRON CAPS	48
				ELOCTATE	48

EMCYT	25	MG/0.3ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	53
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	eribulin mesylate	28
EMFLAZA TABS (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ERIVEDGE	24
EMGALITY SOAJ	53	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	ERLEADA 240 MG	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	53	ENSPRYNG	56	ERLEADA 60 MG	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	53	entacapone	28	erlotinib hcl	24
EMSAM	13	entecavir TABS	31	ERTACZO	38
emtricitabine CAPS	30	EPIDIOLEX	12	ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinastine hcl (ophth)	60	erythromycin (acne aid) PADS	37
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	erythromycin (acne aid) SOLN	37
EMTRIVA SOLN	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin (ophth)	59
EMVERM CHEW	8	EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eplerenone	21	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin base TBEC	51
enalapril maleate TABS	20	epoprostenol sodium	33	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL MINI SOCT	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 57		erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 100 MG	29	escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 200 MG	29	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 300 MG	29	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERAXIS	18	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ERBITUX	24	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	65
ENGERIX-B SUSY	66	ergocalciferol CAPS	69	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol SOLN OR	69	esomeprazole magnesium TBEC .	65
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ergoloid mesylates TABS	63	ESPEROCT	48
enoxaparin sodium SOSY 30		ERGOMAR SUBL	54	estazolam	50

estradiol & norethindrone acetate TABS	46	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felodipine	33
estradiol GEL 0.06 %	46	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	FEMCAP DEVI	51
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46	everolimus TABS	26	FEMLYV TBDP	35
estradiol PTTW	46	EVOTAZ	30	FEMRING	69
estradiol PTWK	46	exemestane	25	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
estradiol TABS	46	ezetimibe	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol vaginal CREA	69	ezetimibe-simvastatin	19	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol vaginal TABS	69	famciclovir 125 MG, 250 MG	31	FENSOLVI SC	45
estradiol valerate	46	famciclovir 500 MG	31	fenentanyl citrate LPOP	5
ESTRING RING	69	famotidine in nacl SOLN	64	fenentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
ESTROGEL GEL (estradiol)	46	famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	64	ferrous fumarate-folic acid	49
eszopiclone	50	famotidine SUSR	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ...	50
ethacrynic acid	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	50
ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	29	fesoterodine fumarate	65
ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	FETZIMA CP24	14
ethynodiol diacet & eth estrad ...	35	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51		FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	
etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	finasteride	48
etodolac TABS	4	FARXIGA	16	fingolimod hcl	62
etonogestrel-ethinyl estradiol ...	35	FASENRA PEN SOAJ	9	FIRDAPSE	23
ETOPOPHOS	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRMAGON	25
etoposide CAPS	28	FC2 FEMALE CONDOM	51	flavoxate hcl	65
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	febuxostat	48	flecainide acetate	8
etravirine 100 MG	30	felbamate SUSP	12	floxuridine	24
etravirine 200 MG	30	felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD 2024-2025	66
EUCRISA	42	felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	
EVAMIST SOLN	46				

.....66	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	67	fluphenazine hcl ELIX	30
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66	FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluphenazine hcl SOLN
.....66	FLUARIX 2024-2025 SUSY	66	flunisolide (nasal) 0.025 %	58
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	66	fluocinolone acetonide (otic)	60	flurandrenolide CREA
.....66	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	flurandrenolide LOTN
.....66	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	66	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	66	fluocinolone acetonide OIL	41	flurbiprofen sodium
.....66	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	66	fluocinolone acetonide OINT	41
.....66	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	66	fluocinolone acetonide SOLN	41
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	66	fluocinonide CREA 0.05 %	41	flurazepam hcl
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67	fluocinonide CREA 0.1 %	41	flurbiprofen TABS
.....67	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinonide emulsified base	41
.....67	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluocinonide GEL	41
.....67	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluocinonide OINT	41
.....18	fluconazole SUSR	18	fluocinonide SOLN	41
fluconazole TABS	18	fluorometholone (ophth) SUSP ...	59	flutamide
flucytosine	18	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone furoate-vilanterol
fludarabine phosphate SOLN	24	fluorouracil (topical) SOLN	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB
fludarabine phosphate SOLR	24	fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58
fludrocortisone acetate TABS	36	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	67	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluticasone propionate hfa
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14	fluticasone propionate LOTN
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl CPDR	14
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl SOLN	14
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	fluticasone-salmeterol AEPB
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluphenazine hcl CONC	29
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		fluvastatin sodium CAPS 20 MG ... 19
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		fluvastatin sodium CAPS 40 MG ... 19
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		FLUZONE 2024-2025 SUSP
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		FLUZONE 2024-2025 SUSY
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY
.....67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-

2023	67	FRAGMIN SOSY	11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	gabapentin CAPS	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	53	gabapentin SOLN	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	53	GALAFOLD	45
FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide CP24 ..	62
FML FORTE SUSP	59	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide SOLN ..	62
FML OINT	59	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	galantamine hydrobromide TABS ..	62
folic acid TABS	49	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	60
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	60
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	60
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMUNEX-C	61
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	ganciclovir sodium SOLR	31
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	43	frovatriptan succinate	54	ganirelix acetate	45
formoterol fumarate NEBU	10	fulvestrant SOSY	25	GARDASIL 9 SUSP	67
FORTEO SOPN (teriparatide)	44	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44	GARDASIL 9 SUSY	67
FOSAMAX PLUS D	44	furosemide TABS	44	gatifloxacin (ophth)	59
fosamprenavir calcium TABS	30	FUZEON SOLR	30	gefitinib	24
fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 2 MG	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 4 MG	11	gemfibrozil TABS	19
fosinopril sodium	20	FYCOMPA TABS 6 MG	11	GENOTROPIN CART SC	45
fosphenytoin sodium	13			GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45	
				gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9	

% , 1 MG/ML-0.9 % , 1.2 MG/ML-0.9 % , 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	HEALON PRO SOSY	60
gentamicin sulfate (ophth) OINT ...	59	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	64	HEMANGEOL SOLN OR	32
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59	glycopyrrolate TABS 1 MG	64	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	glycopyrrolate TABS 2 MG	64	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	11
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GLYXAMBI	15	HEPLISAV-B SOSY	67
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GNP PRENATAL TABS	57	HIBERIX SOLR IJ	65
GENVOYA	30	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	HUMATROPE CART IJ	45
GILOTRIF	24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	62	granisetron hcl TABS	17	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	62	GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEN AJKT	3
GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	3
glimepiride 1 MG, 2 MG	17	griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	3
glimepiride 4 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PSKT	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	guanfacine hcl	20	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glipizide TB24	17	GYNAZOLE-1	69	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HYCAMTIN CAPS	28
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA SOSY	3	hydralazine hcl SOLN	21
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	43	HAEGARDA SOLR SC	48	hydralazine hcl TABS	21
glucagon (rdna)	16	HALAVEN (eribulin mesylate)	28	hydrochlorothiazide CAPS	44
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	halcinonide CREA	41	hydrochlorothiazide TABS	44
glyburide TABS	17	halobetasol propionate CREA	41	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .	37
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	halobetasol propionate OINT	41	HAVRIX	67
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	HALOG OINT	41		
		haloperidol decanoate	29		
		haloperidol lactate CONC	29		
		haloperidol lactate SOLN	29		
		haloperidol TABS	29		

hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydromorphone hcl LIQD	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	26
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5	IDELVION	48
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	ifosfamide SOLR	23
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imatinib mesylate	26
hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		IMBRUVICA CAPS 140 MG	26
hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		IMBRUVICA CAPS 70 MG	26
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	41	hydroxyurea	27	IMBRUVICA SUSP	26
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMBRUVICA TABS	26
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	41	hydroxyzine hcl SYRP	8	imipenem-cilastatin IV	21
hydrocortisone acetate (rectal)	7	hydroxyzine hcl TABS	8	imipramine hcl TABS	14
hydrocortisone butyrate CREA	41	hydroxyzine pamoate CAPS	8	imipramine pamoate	14
hydrocortisone butyrate OINT	41	HYPERSAL NEBU	37	imiquimod 5 %	42
hydrocortisone butyrate SOLN	41	HYQVIA	61	IMPAVIDO	21
hydrocortisone sod succinate 100 MG	36	ibandronate sodium SOLN	44	INCRELEX	45
hydrocortisone TABS	36	ibandronate sodium TABS	44	INCRUSE ELLIPTA	9
hydrocortisone vaginal	69	IBRANCE CAPS	26	indapamide TABS 1.25 MG	44
hydrocortisone valerate CREA	41	IBRANCE TABS	26	indapamide TABS 2.5 MG	44
hydrocortisone valerate OINT	41	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
hydrocortisone w/acetic acid	60	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG	4	indomethacin CPCR	4
		icatibant acetate SOLN	48	INFANRIX	64
		icatibant acetate SOSY	48	INFLECTRA SOLR	47
		ICLUSIG	26	INGREZZA CAPS	62
		icosapent ethyl 1 GM	19	INGREZZA CPPK	62
				INGREZZA CPSP	62
				INLYTA	24
				INREBIC	26
				INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16	

INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	ISOLYTE-S54	KALYDECO TABS63
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN16	isoniazid SOLN23	KAMELEON LUBRICATED MISC .51
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP16	isoniazid SYRP23	KANJINTI24
INSULIN ASPART SOLN IJ16	isoniazid TABS23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)55
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG8	KEPIVANCE 6.25 MG27
INSULIN DEGLUDEC SOLN16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	KESIMPTA62
INTELENCE 25 MG30	isosorbide mononitrate TABS8	ketoconazole (topical) CREA38
INTRAROSA69	isosorbide mononitrate TB248	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .38
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...54	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG37	ketoconazole18
IOPIDINE59	isradipine CAPS33	KETONE STRP43
IPOL INACTIVATED IPV67	itraconazole CAPS18	KETONE TEST STRIPS STRP ...43
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58	itraconazole SOLN18	ketoprofen CAPS 50 MG4
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58	ivabradine hcl TABS34	ketorolac tromethamine (ophth) ...60
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .9	ivermectin (pediculicide)42	ketorolac tromethamine TABS4
ipratropium-albuterol SOLN10	ivermectin8	KETOSTIX STRP43
irbesartan20	IXEMPRA KIT 15 MG28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60
irbesartan-hydrochlorothiazide ...20	JAKAFI26	KEVZARA SOAJ3
IRESSA (gefitinib)24	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..67	KEVZARA SOSY4
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML28	JANUMET TABS15	KIMONO COLORS DEVI51
irrigation solutions, physiological ..56	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG15	KIMONO LUBRICATED MISC51
ISENTRESS CHEW30	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC51
ISENTRESS HD TABS30	JANUVIA16	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 51
ISENTRESS TABS30	JARDIANCE16	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC51
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%54	JEVTANA28	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 51
	JIVI48	
	JULUCA30	
	JYNARQUE TBPK46	

KIMONO PS LUBRICATED MISC .51	lacosamide TABS12	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 52	lactated ringer's (irrigation)56	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC52	lactated ringer's55	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	lactic acid (ammonium lactate) CREA42	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SPECIAL DEVI52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %42	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24
KINRIX SUSY64	lactulose (encephalopathy)47	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI26	lactulose SOLN50	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE24
KISQALI FEMARA 200 DOSE26	lactulose SOLN50	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24
KISQALI FEMARA 400 DOSE26	lamivudine (hbv) TABS31	letrozole25
KISQALI FEMARA 600 DOSE26	lamivudine SOLN30	leucovorin calcium SOLR27
KLARITY-A59	lamivudine TABS 150 MG30	leucovorin calcium TABS27
KOGENATE FS KIT48	lamivudine TABS 300 MG30	LEUKERAN23
KOSELUGO26	lamivudine-zidovudine30	LEUKINE SOLR IJ49
KOVALTRY48	lamotrigine CHEW 25 MG12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML25
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS57	lamotrigine CHEW 5 MG12	levalbuterol hcl10
KRINTAFEL23	lamotrigine TABS12	levalbuterol tartrate10
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI52	lamotrigine TBP12	LEVEMIR FLEXPEN SOPN16
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)33	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ...16
KYLEENA36	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)33	LEVEMIR SOLN16
KYPROLIS26	lansoprazole CPDR 15 MG65	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12
labetalol hcl SOLN32	lansoprazole CPDR 30 MG65	levetiracetam TABS 1000 MG12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32	lanthanum carbonate CHEW47	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG12
labetalol hcl TABS 300 MG32	lapatinib ditosylate26	levetiracetam TABS 500 MG12
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	LASTACRAFT60	levetiracetam TB2412
	latanoprost SOLN60	levobunolol hcl 0.5 %58
	leflunomide4	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18
	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG56	levocetirizine dihydrochloride TABS 18
	lenalidomide 20 MG55	

levofloxacin (ophth) 0.5 %	59	LINZESS	47	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	20
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	46	liothyronine sodium SOLN	64	losartan potassium	20
levofloxacin SOLN OR	46	liothyronine sodium TABS	64	LOTEMAX OINT	59
levofloxacin TABS	46	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	1	loteprednol etabonate GEL	59
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW	1	loteprednol etabonate SUSP	59
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisinopril & hydrochlorothiazide	20	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20	lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lithium	29	loxapine succinate	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lithium carbonate CAPS	29	lubiprostone	47
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	35	lithium carbonate TABS	29	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	61
levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium carbonate TBCR	29	luliconazole	38
levothyroxine sodium TABS	64	LO LOESTRIN FE TABS	35	LUMIZYME	45
LEXIVA SUSP	30	lofexidine hcl	61	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51	LOKELMA	56	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	56	loperamide hcl CAPS	17	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	56	lopinavir-ritonavir SOLN	30	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25
lidocaine hcl GEL 2 %	42	lopinavir-ritonavir TABS	30	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	45
lidocaine hcl PRSY	42	loratadine CAPS	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45
lidocaine hcl SOLN	42	loratadine CHEW	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
lidocaine PTCH 5 %	42	loratadine SOLN	18	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
lidocaine-prilocaine CREA	42	loratadine TABS	18	lurasidone hcl 80 MG	29
LILETTA 20.1 MCG/DAY	36	loratadine TBDP	18	LYNPARZA TABS	26
lincomycin hcl	22	lorazepam CONC	8	LYSODREN	25
linezolid SUSR	22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	mafenide acetate PACK	40
linezolid TABS	22	lorazepam TABS 1 MG	8	magnesium sulfate IJ 50 %	55
		LORBRENA	26		
		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20		

malathion	42	MENACTRA	65	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5
maraviroc TABS 150 MG	30	MENEST	46	methadone hcl TABS 10 MG
maraviroc TABS 300 MG	30	MENOSTAR PTWK	46	5
MARPLAN	13	MENQUADFI	65	methadone hcl TABS 5 MG
MASONATAL TABS	57	MENVEO SOLN	65	5
MATULANE	27	MENVEO SOLR	65	methadone hcl TBSO
MAXIDEX SUSP OP	59	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	5
MAXX LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5	methamphetamine hcl
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl TABS 50 MG	5	1
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		meprobamate	8	methazolamide TABS
meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptapurine TABS	24	43
MEDROL TABS	36	meropenem	21	methenamine hippurate
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	mesalamine CP24	47	22
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine CPDR	47	methimazole TABS
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	61	mesalamine ENEM	47	64
mefenamic acid CAPS	4	mesalamine SUPP	47	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG
mefloquine hcl	23	mesalamine TBEC 1.2 GM	47	58
megestrol acetate (appetite)	61	mesalamine TBEC 800 MG	47	METHOTREXATE
megestrol acetate SUSP	25	metaxalone 800 MG	58	3
megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML
MEKINIST SOLR	26	metformin hcl TABS 500 MG	15	24
MEKINIST TABS	26	metformin hcl TABS 850 MG	15	methotrexate sodium SOLR
MEKTOVI	26	metformin hcl TABS 850 MG	15	24
meloxicam TABS	4	metformin hcl TB24 500 MG	15	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24
melphalan	23	metformin hcl TB24 750 MG	16	methoxsalen rapid
melphalan hcl IV	23	methadone hcl CONC	5	39
memantine hcl TABS	62	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML	5	methscopolamine bromide
		METHADONE HCL SOLN IJ	5	64
		methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methsuximide
			5	13
			5	methyldopa TABS
			5	20
			5	methylphenidate hcl CHEW 10 MG ..
			5	2
			5	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG ..
			5	2
			5	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..
			5	2
			5	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG
			5	2
			5	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG
			5	2
			5	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..
			5	2
			5	methylphenidate hcl CP24
			5	2
			5	methylphenidate hcl CPCR
			5	2
			5	methylphenidate hcl SOLN
			5	2

methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 32	mitoxantrone hcl 2 MG/ML 26
methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	M-M-R II SOLR 67
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) CREA 42	M-NATAL PLUS TABS 57
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 42	modafinil 200 MG 2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 42	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 68
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS 21	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 67
methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal 69	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY . 67
methylprednisolone acetate SUSP 36	mexiletine hcl 8	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ... 68
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 36	micafungin sodium 18	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 . 68
methylprednisolone TABS 36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 69	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-5Y SUSP 68
methylprednisolone TBPK 36	midodrine hcl 69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP 68
methyltestosterone TABS 7	miglitol 15	moexipril hcl 20
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 47	miglustat 49	mometasone furoate (nasal) SUSP 58
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 47	minocycline hcl CAPS 64	mometasone furoate CREA 41
metoclopramide hcl TABS 47	minocycline hcl TABS 64	mometasone furoate OINT 41
metolazone 44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21	mometasone furoate SOLN 41
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 21	MIRCERA 49	montelukast sodium CHEW 9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG 21	MIRENA 36	montelukast sodium PACK 9
metoprolol succinate TB24 200 MG 32	mirtazapine TABS 15 MG 13	montelukast sodium TABS 9
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mirtazapine TABS 30 MG 13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5
	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 5
	mirtazapine TBDP 15 MG 13	morphine sulfate SOLN OR 10
	mirtazapine TBDP 30 MG 13	
	mirtazapine TBDP 45 MG 13	
	misoprostol 65	
	mitomycin SOLR IV 20 MG 26	

MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	NEONATAL PLUS TABS	57
morphine sulfate SOLN OR 20		MG/10ML	NEONATAL PRENATAL VITAMIN	
MG/5ML	5	naltrexone hcl	TABS	57
morphine sulfate TABS	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	NEONATAL VITAMIN TABS	57
morphine sulfate TBCR	6	naproxen SUSP	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23
MOTOFEN	17	naproxen TABS	NEO-SYNALAR	38
MOVANTIK	47	naproxen TBEC 500 MG	NEUPRO	28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	naratriptan hcl	NEVANAC	60
moxifloxacin hcl in sodium chloride		NATACYN	nevirapine SUSP	30
47		NATAZIA	nevirapine TABS	31
moxifloxacin hcl TABS	47	nateglinide	nevirapine TB24 100 MG	31
MOZOBIL (plerixafor)	50	NAYZILAM	nevirapine TB24 400 MG	31
MULPLETA	49	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	
MULTI PRENATAL TABS	57	32	magnesium)	65
mupirocin OINT	38	nebivolol hcl 20 MG	NEXPLANON	36
MVASI	24	NEBUSAL NEBU	NEXTSTELLIS	35
MYALEPT	45	nefazodone hcl	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
mycophenolate mofetil CAPS	56	nelarabine	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	69
mycophenolate mofetil TABS	56	neomycin sulfate TABS	niacin TABS	69
mycophenolate sodium	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	niacin TBCR	69
MYLERAN TABS	23	59	NIACIN TR TBCR	69
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth OINT	niacinamide TABS	69
nadolol TABS 20 MG	32	59	nicardipine hcl CAPS	33
nadolol TABS 40 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	nicardipine hcl SOLN	33
nadolol TABS 80 MG	32	60	nicotine MISC XX	63
nafcillin sodium IV 10 GM	61	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	nicotine polacrilex GUM	63
naftifine hcl CREA 1 %	38	60	nicotine polacrilex LOZG	63
naftifine hcl CREA 2 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
NAGLAZYME	45	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	MG/24HR, 21 MG/24HR	63
nalbuphine hcl	7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	NICOTINE TRANSDERMAL	
naloxone hcl LIQD	17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	SYSTEM KIT	63
		MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG		57

NICOTROL INHALER INHA	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68
NICOTROL NS SOLN	63	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOEIGHT	48
nifedipine TB24 60 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nilutamide	25	norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN N SUSP	16
nimodipine CAPS	33	norethindrone acetate TABS	61	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOVOLIN R SOLN IJ	16
NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nisoldipine	33	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NP THYROID 120 TABS	64
nitazoxanide TABS	21	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NP THYROID 15 TABS	64
nitisinone CAPS	45	norgestimate-ethinyl estradiol ...	35	NP THYROID 30 TABS	64
NITRO-BID OINT	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NP THYROID 60 TABS	64
nitrofurantoin	22	NORMOSOL-M/D5W	55	NP THYROID 90 TABS	64
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	NORMOSOL-R	55	NUBEQA	25
nitrofurantoin monohyd macro	22	nortriptyline hcl CAPS	14	NUCALA SOAJ	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl SOLN	14	NUCALA SOLR	9
nitroglycerin CPR	8	NORVIR CAPS	31	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitroglycerin PT24	8	NORVIR PACK	31	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORVIR SOLN	31	NUCYNTA ER TB12	6
nitroglycerin SUBL	8	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43	NUCYNTA TABS	6
NIVA-PLUS TABS	57			NUEDEXTA	63
nizatidine CAPS	65			NULOJIX	56
NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 30 MG/3ML	45			nystatin (mouth-throat)	56
NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45			nystatin (topical) CREA	38
				nystatin (topical) OINT	38

nystatin (topical) POWD EX	38	omeprazole magnesium CPDR	65	orphenadrine citrate TB12	58
nystatin TABS	18	omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate CAPS	32
nystatin-triamcinolone CREA	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	oseltamivir phosphate SUSR	32
nystatin-triamcinolone OINT	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSMOPREP	50
NYVEPRIA	49	ONCASPAR	27	OSPHENA	45
octreotide acetate KIT	46	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 17		OTEZLA TABS	4
octreotide acetate SOLN	46	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	OTEZLA TBPk	4
ODEFSEY	31	ondansetron hcl SOSY	17	oxacillin sodium IV 10 GM	61
ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
OFEV	63	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxandrolone	7
ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (otic)	60	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron TBDP 8 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	49
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57	oxcarbazepine SUSP	12
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53	oxiconazole nitrate CREA	39
olanzapine TBDP 20 MG	29	OPILL	36	OXISTAT LOTN	39
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	OPSUMIT	33	oxybutynin chloride SOLN	65
olmesartan medoxomil	20	ORENITRAM TBCR	33	oxybutynin chloride TABS 5 MG	65
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	ORGOVYX	25	oxybutynin chloride TB24	65
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORILISSA	45	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olopatadine hcl (nasal)	58	ORKAMBI PACK	63	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl 0.1 %	60	ORKAMBI TABS	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	60	ORLADEYO	49	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
omega-3-acid ethyl esters	19			oxymorphone hcl TABS	6
omeprazole CPDR	65				

oxymorphone hcl TB12 40 MG6	paroxetine hcl TABS 20 MG 14	penicillin g sodium61
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	paroxetine hcl TABS 30 MG 14	penicillin v potassium SOLR61
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML16	paroxetine hcl TABS 40 MG 14	penicillin v potassium TABS 61
OZEMPIC SOPN16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG14	PENTACEL64
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML28	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG14	pentazocine w/ naloxone hcl 7
paclitaxel protein-bound particles .28	PASER PACK23	pentoxifylline 49
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .29	pazopanib hcl26	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20
paliperidone 6 MG 29	PEDIARIX SUSY64	perindopril erbumine 4 MG 20
palonosetron hcl SOLN 17	pediatric multivitamins w/fl CHEW .57	PERJETA24
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML44	PEDVAX HIB SUSP 65	permethrin CREA42
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid50	permethrin LIQD EX 42
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT43	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM50	perphenazine TABS 30
PANRETIN39	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride50	perphenazine-amitriptyline62
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65	PEGASYS SOLN 31	PERSERIS PRSY29
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65	PEGASYS SOSY 31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP 68
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A35	PEMAZYRE26	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP 68
paricalcitol CAPS45	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68
paricalcitol SOLN45	penciclovir40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP68
paroxetine hcl SUSP14	penicillamine CAPS55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP68
paroxetine hcl TABS 10 MG 14	penicillamine TABS55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP68
	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP68
	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML 61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..68
	PENICILLIN G PROCAINE 61	

PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ... 68	pioglitazone hcl-glimepiride 15	potassium bicarbonate TBEF55
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...68	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	potassium chloride CPCR 55
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68	piperacillin sodium-tazobactam sodium61	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %55
PHEBURANE PLLT45	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ... 26	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L 55
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG48	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ... 27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %55
phendimetrazine tartrate TABS 1	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ... 27	potassium chloride microencapsulated crystals er 55
phenelzine sulfate13	pirfenidone CAPS63	potassium chloride PACK OR 20 MEQ55
phenobarbital ELIX50	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 63	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55
phenobarbital TABS50	pirfenidone TABS 534 MG63	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML55
phenoxybenzamine hcl20	piroxicam CAPS4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 55
phentermine hcl CAPS1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..55	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS 55
phenytoin CHEW13	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)55	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)55
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY SOAJ62	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 47
phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY SOSY SC62	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML 55
phenytoin SUSP13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 62	PR BENZOYL PEROXIDE WASH
PHEXXI69	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC62	
PHOSLYRA SOLN47	plerixafor50	
PHOTOFRIN27	PNEUMOVAX 23 SOSY66	
PIFELTRO31	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN . 66	
pilocarpine hcl (oral)56	podofilox SOLN42	
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 59	polymyxin b sulfate SOLR 22	
pimecrolimus42	polymyxin b-trimethoprim 59	
pimozide63	POMALYST25	
pindolol TABS32	posaconazole SUSP18	
pioglitazone hcl16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55	

LIQD	37	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREVNAR 13	66
pralatrexate 20 MG/ML	24	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	PREVNAR 20	66
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28	pregabalin SOLN	PREZCOBIX	31
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28	PREHEVBRIO	PREZISTA SUSP	31
prasugrel hcl	49	PREMARIN	PREZISTA TABS (darunavir)	31
pravastatin sodium	19	PREMARIN SOLR	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31
praziquantel	8	PREMARIN TABS	PRIFTIN	23
prazosin hcl CAPS	20	PREMPHASE	primaquine phosphate TABS	23
PRECISION XTRA	43	PREMPRO	primidone 50 MG, 250 MG	12
PRED MILD	59	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57	PRIORIX SUSR	68
PRED-G SUSP	59	PRENATAL ONE DAILY TABS ...	PROAIR DIGIHALER	10
prednicarbate OINT	41	PRENATAL PLUS TABS	PROAIR RESPICLICK AEPB	10
prednisolone acetate (ophth)	60	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	probenecid	48
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	60	PRENATAL TABS	prochlorperazine	30
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	prochlorperazine maleate TABS ...	30
prednisolone sodium phosphate TBDP	36	PRENATAL VITAMIN TABS	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49
prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	PROCRIT 40000 UNIT/ML	49
prednisolone TABS	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	progesterone CAPS	61
prednisone SOLN	36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	PROGRAF PACK	56
prednisone TABS	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	PROGRAF SOLN	56
prednisone TBPK	36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	PROLASTIN-C SOLN	63
PREFEST	46	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	PROLEUKIN	27
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	PROLIA SOSY	44
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	62	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	PROMACTA PACK	49
		PRENATRIX TABS	PROMACTA TABS	49
		PRENATRYL TABS	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	19

promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	19	400 MG	29	52
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ
promethazine hcl TABS	19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ
propafenone hcl CP12	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	REBIF SOSY
propafenone hcl TABS	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..
proparacaine hcl	59	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSP
propranolol hcl CP24	32	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSY
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .
propranolol hcl TABS	32	quinidine sulfate TABS	8	REGRANEX
propylthiouracil	64	quinine sulfate CAPS 324 MG	23	RELENZA DISKHALER
PROQUAD SUSR	68	QUZYTIR SOLN IV	18	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G
protriptyline hcl	14	QVAR REDHALER	9	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G
PROVISC SOSY	60	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	57	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL TABS	57	RELION KETONE TEST STRIPS STRP
PULMOZYME	63	rabeprazole sodium TBEC	65	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	raloxifene hcl	45	RENFLEXIS
pyrazinamide	23	ramelteon	50	repaglinide 0.5 MG, 1 MG
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramipril CAPS	20	repaglinide 2 MG
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	65	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT
pyridostigmine bromide TBCR	23	ranolazine TB12 1000 MG	8	REPATHA SOSY
pyrimethamine	23	ranolazine TB12 500 MG	8	REPATHA SURECLICK SOAJ
QC PRENATAL TABS	57	rasagiline mesylate	28	RETACRIT
QINLOCK	27	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52	RETEVMO CAPS
QUADRACEL SUSP	64	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..
QUADRACEL SUSY	64	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI		REXULTI
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29			
quetiapine fumarate TABS 300 MG,				

ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	romidepsin SOLR	27	MG, 500 MG-5 MG	15
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31		ropinirole hydrochloride TABS	28	SCSEMBLIX 100 MG	27
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	SCSEMBLIX 20 MG	27
rifabutin	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	SCSEMBLIX 40 MG	27
rifampin CAPS	23	rosuvastatin calcium TABS	19	scopolamine	17
rifampin SOLR	23	ROTARIX SUSP	68	SELECT INSULIN SYRINGES	53
riluzole TABS	58	ROTARIX SUSR	68	SELECT LANCETS	53
rimantadine hydrochloride TABS ..	32	ROTATEQ SOLN	68	selegiline hcl CAPS	29
ringer's	55	ROZLYTREK CAPS	27	selegiline hcl TABS	29
ringer's irrigation	56	RUBRACA	27	selenium sulfide LOTN 2.5 %	40
RINVOQ LQ SOLN	3	rufinamide SUSP	12	SELZENTRY SOLN	31
RINVOQ TB24	3	rufinamide TABS 200 MG	12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31	
risedronate sodium TABS 150 MG	44	rufinamide TABS 400 MG	12	SEREVENT DISKUS	10
risedronate sodium TABS 35 MG ..	44	RUKOBIA	31	sertraline hcl CONC	14
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	44	RUXIENCE	24	sertraline hcl TABS 100 MG	14
risedronate sodium TBEC	44	RYBELSUS TABS	16	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	salsalate	5	sevelamer carbonate PACK	47
risperidone microspheres	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	46	sevelamer carbonate TABS	47
risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	46	SHINGRIX	68
risperidone TABS	29	SANTYL OINT	42	SIGNIFOR	46
risperidone TBDP	29	sapropterin dihydrochloride PACK ..	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	34
ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride TABS ..	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34
rivastigmine tartrate CAPS	62	SAVELLA TABS	62	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34
rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62		sildenafil citrate	33
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	54	saxagliptin hcl	16	silodosin	48
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15	silver sulfadiazine	40
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5		SIMPONI ARIA SOLN	3
roflumilast	9				

SIMULECT	56	solifenacin succinate TABS	65	spironolactone TABS	44
simvastatin TABS	19	SOLQUA 100/33	15	SPRAVATO 56MG DOSE	13
sirolimus TABS	56	SOLOSEC	2	SPRAVATO 84MG DOSE	13
SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	SPRYCEL (dasatinib)	27
SIVEXTRO TABS	22	SOLU-CORTEF 250 MG	36	stannous fluoride CONC	56
SKYLA	36	SOLU-MEDROL 2 GM	36	stavudine CAPS	31
SKYRIZI PEN SOAJ	39	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 45		STELARA 130 MG/26ML	47
SKYRIZI SOCT	47	sorafenib tosylate	27	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI SOLN	47	SORBITOL 3 %	48	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI SOSY	39	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	48	STELARA SOSY 90 MG/ML	39
SLYND	36	sotalol hcl (afib/afi)	32	STENDRA	33
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	57	sotalol hcl TABS 240 MG	32	STIOLTO RESPIMAT	10
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	54	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	STIVARGA	27
sodium acetate SOLN	54	SOVALDI TABS 200 MG	31	STRENSIQ	45
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	SOVALDI TABS 400 MG	31	streptomycin sulfate SOLR	2
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	STRIBILD	31
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium citrate & citric acid	47	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	68	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium phenylbutyrate POWD	45	spinosad	42	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6
sodium phenylbutyrate TABS	45	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) .	9	sucrafate SUSP	65
sodium polystyrene sulfonate POWD 56		SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sucrafate TABS	65
sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	spironolactone & hydrochlorothiazide	44	sulconazole nitrate CREA	39
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	50			sulconazole nitrate SOLN	39
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31			sulfacetamide sodium (acne)	37
				sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	59
				sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38

sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNJARDY TABS	15	TDVAX SUSP	64
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEFLARO	35
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNRIBO	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfadiazine TABS	63	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGSEDI	63
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	24	telmisartan	20
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABRECTA	27	telmisartan-amlodipine	21
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus (topical) OINT	42	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21
SULFAMYLON CREA	40	tacrolimus CAPS	56	temazepam	50
sulfasalazine TABS	47	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	34	TEMODAR SOLR	23
sulfasalazine TBEC	47	tadalafil 5 MG	33	temozolomide CAPS	23
sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	27	temsirolimus	27
sumatriptan	54	TAFINLAR TBSO	27	TENIVAC INJ	64
sumatriptan succinate SOAJ	54	tafluprost	60	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31	
sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSO 40 MG	24	terazosin hcl	20
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAGRISSO 80 MG	24	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate TABS	54	TAKHZYRO SOLN	49	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan-naproxen sodium	53	TAKHZYRO SOSY	49	terbutaline sulfate TABS	10
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	TALZENNA	27	terconazole vaginal CREA	69
sunitinib malate 37.5 MG	27	tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal SUPP	69
SUNOSI 150 MG	1	tamsulosin hcl	48	teriflunomide	62
SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide SOPN	44
SYNAREL	45	TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	44
SYNERA PTCH	42	tavaborole	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
		TAVALISSE	48	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
		tazarotene CREA 0.1 %	39	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
		TAZVERIK	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64

tetrabenazine	62	tobramycin (ophth) SOLN	59	MG, 240 MG-1 MG	21
tetracycline hcl CAPS	64	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
THALOMID	56	tobramycin sulfate SOLN IJ 10		MG, 240 MG-4 MG	21
theophylline ELIX	10	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	tranexamic acid SOLN 1000	
theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP		MG/10ML	50
theophylline TB12	10	60		tranexamic acid TABS	50
theophylline TB24	10	TODAY SPONGE MISC	69	tranylcyproline sulfate	13
THERANATAL CORE NUTRITION		tolcapone	28	travoprost SOLN	60
TABS	57	tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24
THIOLA EC TBEC 100 MG		tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14
(tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18	TRECTOR	23
THIOLA EC TBEC 300 MG		tolterodine tartrate CP24	65	TRELEGY ELLIPTA	10
(tiopronin)	48	tolterodine tartrate TABS	65	TRELSTAR MIXJECT	25
thioridazine hcl	30	tolvaptan TABS	46	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40
thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	40
thiothixene	30	topiramate CPSP 25 MG	12	TREMFYA SOLN	40
THYMOGLOBULIN	56	topiramate CS24	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40
THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate TABS 200 MG	12	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	40
tiagabine hcl	12	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33
TIBSOVO	27	topiramate TABS 50 MG	12	tretinoin (chemotherapy)	27
tigecycline	63	topotecan hcl SOLN	28	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLR	28	%	38
timolol maleate (ophth) SOLN	59	toremifene citrate	25	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38
timolol maleate TABS	32	torsemide TABS	44	tretinoin microsphere 0.1 %	38
tiopronin TBEC 100 MG	48	TRACLEER TBSO	33	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	
tiopronin TBEC 300 MG	48	tramadol hcl TABS 50 MG	6	MG, 15 MG	24
tiotropium bromide monohydrate		tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (mouth) ..	56
CAPS	9	tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (nasal)	
TIVICAY TABS	31	trandolapril 1 MG, 2 MG	20	AERO	58
tizanidine hcl CAPS	58	trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical)	
tizanidine hcl TABS	58	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		CREA 0.025 %	41

CREA 0.1 %	41	TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41	TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41	TRIZIVIR	31	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	42	TROJAN MAGNUM MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	52	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	52	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	52
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	44	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	52	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC	52
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	44	tropicamide SOLN 0.5 %	59	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	52
triamterene CAPS	44	tropicamide SOLN 1 %	59	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	52
triazolam	50	trospium chloride CP24	65	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
TRICARE TABS	57	trospium chloride TABS	65	TRUXIMA	24
trientine hcl 250 MG	55	TRUE COVER DEVI	52	TUKYSA	24
trifluoperazine hcl TABS	30	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	43	TURALIO	27
trifluridine	59	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53	TUZISTRA XR	37
trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43	TWINRIX SUSY	68
trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUETRACK TEST STRP	43	TWIRLA	35
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRULICITY	16	TYBLUME CHEW	35
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUMENBA	66	TYBOST	31
TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52	TYMLOS	44
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN	33
trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	52	TYVASO SOLN IN	33
trimipramine maleate CAPS	15				

TYVASO STARTER KIT SOLN IN 33	MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .22	vincristine sulfate28
UBRELVY53	VAQTA68	vinorelbine tartrate 10 MG/ML28
UCERIS (budesonide (intrarectal)) .7	varenicline tartrate TABS63	VIRACEPT TABS 250 MG31
UDENYCA ONBODY SOSY49	varenicline tartrate TBPK63	VIRACEPT TABS 625 MG31
UDENYCA SOAJ49	VARIVAX SUSR68	VIREAD POWD31
UDENYCA SOSY49	VARUBI TBPK18	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG31
UPTRAVI TABS 200 MCG34	VAXNEUVANCE66	VISTOGARD17
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG34	VECAMYL21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT69
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34	VECTIBIX 100 MG/5ML24	VITATHELY/GINGER TABS58
ursodiol CAPS47	VELPHORO47	VITRAKVI CAPS27
ursodiol TABS47	venlafaxine hcl CP24 150 MG14	VITRAKVI SOLN27
UVADEX27	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG14	VIZIMPRO24
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...32	venlafaxine hcl CP24 75 MG14	VORAXAZE28
valacyclovir hcl 500 MG31	venlafaxine hcl TABS14	voriconazole TABS18
valganciclovir hcl TABS31	venlafaxine hcl TB24 150 MG14	VOSEVI31
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML13	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG14	VOTRIENT (pazopanib hcl)27
valproic acid CAPS13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG33	VYNDAMAX34
valrubicin26	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG33	VYNDAQEL34
valsartan TABS20	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...33	VYVANSE CAPS1
valsartan-hydrochlorothiazide21	verapamil hcl TABS33	warfarin sodium TABS10
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD11	verapamil hcl TBCR33	water for irrigation, sterile56
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VEREGEN38	WESTAB PLUS TABS58
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	VERZENIO27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6052
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD11	VICTOZA (liraglutide)16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 6552
vancomycin hcl CAPS22	vigabatrin PACK12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7052
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG22	vigabatrin TABS12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 7552
vancomycin hcl SOLR OR 25	VIIBRYD STARTER PACK KIT14	WIDE-SEAL SILICONE
	vilazodone hcl TABS14	

DIAPHRAGM KIT 80	52	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XOSPATA	27	zidovudine CAPS	31
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XPOVIO	25	zidovudine SYRP	31
XALKORI CAPS	27	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		zidovudine TABS	31
XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		ZIEXTENZO	49
XARELTO SUSR	10	XTAMPZA ER	6	zileuton TB12	9
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	XTANDI CAPS	25	ziprasidone hcl	29
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	XTANDI TABS 40 MG	25	ZIRABEV	24
XELJANZ SOLN	3	XTANDI TABS 80 MG	25	ZIRGAN GEL	59
XELJANZ TABS 10 MG	3	XULTOPHY 100/3.6	15	ZOLADEX 10.8 MG	25
XELJANZ TABS 5 MG	3	XYNTHA	48	ZOLADEX 3.6 MG	25
XELJANZ XR TB24	3	XYNTHA SOLOFUSE	48	zoledronic acid CONC	44
XEOMIN	58	YERVOY	24	zoledronic acid SOLN	44
XERAIVA	63	YONSA	25	ZOLINZA	27
XGEVA SOLN	44	zafirlukast	9	zolmitriptan SOLN	54
XHANCE EXHU	58	zaleplon 10 MG	50	zolmitriptan TABS	54
XIFAXAN 200 MG	21	zaleplon 5 MG	50	zolmitriptan TBDP	54
XIFAXAN 550 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolpidem tartrate TABS	50
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZANOSAR	23	zolpidem tartrate TBCR	50
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zonisamide CAPS	12
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZARXIO	49	ZONTIVITY	49
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA CAPS	27	ZORBITIVE SC	45
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA TABS 100 MG	27	ZYDELIG	27
XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27	ZYLET	60
		ZELBORAF	27		
		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000			

